

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25/01/2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Giảng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Long

Bà Lưu Thị Sen

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Hải, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thuận - Kiểm sát viên

Ngày 25/01/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/9/2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1992 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Lê Đình M, sinh năm 1994 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10/9/2018 và phiên hòa giải ngày 12/11/2018, nguyên đơn là chị Lê Thị Thu H trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Lê Đình M được 2 bên gia đình tổ chức lễ cưới theo tập quán địa phương với mục đích kết hôn vào ngày 19/8/2017 âm lịch, việc 2 bên gia đình tổ chức lễ cưới là do chị H và anh M tự nguyện, nhưng khi cưới chưa đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, chị H và anh M chung sống với nhau trong gia đình bố mẹ anh M ở thôn H, xã K, huyện N, đến ngày 22/01/2018 chị H và anh M đã đến Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Chị H và anh M sống chung với bố mẹ anh M đến tháng 3/2018 thì xin ra ở riêng và vợ chồng về sinh sống tại thôn B, xã M, huyện N Lặc. Từ khi chị H và anh M tách ra ở riêng, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M không quan tâm đến vợ con, thường xuyên bỏ nhà đi chơi qua đêm và còn ham mê cờ bạc, nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không hòa giải được. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, gia đình hai bên đã hòa giải, nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên tháng 7/2018, gia đình

bố mẹ anh M đã đưa vợ chồng về sống chung với bố mẹ anh M. Khi về sống chung với bố mẹ anh M, mâu thuẫn vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra, nên đến ngày 06/9/2018 chị H và anh M đã sống ly thân. Nay chị H xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hòa giải, hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H và anh M ly hôn. Về con chung, chị H và anh M có 1 con chung tên là Lê Hoàng Đ, sinh ngày 21/12/2017, từ khi vợ chồng ly thân cháu Đ do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, do con chưa đủ 36 tháng tuổi nên chị H yêu cầu giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 12/11/2018, bị đơn là anh Lê Đình M thừa nhận lời trình bày của chị H về việc kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân là đúng. Còn về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và tình trạng mâu thuẫn hiện nay chị H trình bày không đúng. Anh M khẳng định không tham gia đánh bạc; không thường xuyên bỏ nhà đi chơi qua đêm, mà thỉnh thoảng anh M mới đi chơi với bạn bè, mặt khác do công việc làm ăn, anh M phải tiếp khách hàng có khi về muộn, chị H lại cho rằng anh M không quan tâm đến vợ con. Anh M xét thấy, anh M và chị H mặc dù vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, anh M không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị H; anh M đã sửa chữa thiếu sót của mình và có nguyện vọng được đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái. Về con chung, anh M và chị H có 1 con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh của con như chị H trình bày là đúng. Khi vợ chồng ly hôn, anh M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, anh M không đồng ý để chị H nuôi con, vì chị H không đủ điều kiện nuôi con. Về tài sản, anh M cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Lê Đình M vắng mặt lần thứ hai không có lý do; nguyên đơn là chị Lê Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, việc giao nuôi con khi ly hôn. Do anh M vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên chị H yêu cầu xét xử vụ án vắng mặt anh M theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của đương sự là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã xuất trình đầy đủ chứng cứ chứng minh quan hệ vợ chồng của mình là hợp pháp, về con chung và tài liệu chứng cứ chứng minh con chung hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn và việc giao nuôi con chưa thành niên khi ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Việc kiện giữa nguyên đơn chị Lê Thị Thu H, bị đơn anh Lê Đình M là việc kiện về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện Ngọc Lặc, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tố tụng đầy đủ, đúng trình tự; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định, Thông báo của Tòa án cho các đương sự, nhưng anh M không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; tại phiên tòa, anh M vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh M là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn là chị Lê Thị Thu H và bị đơn là anh Lê Đình M là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa hai người đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, chị H và anh M trình bày không thống nhất với nhau, điều này thể hiện giữa hai người có sự khác biệt nhau về nhận thức, về quan điểm sống và không hợp nhau về tính cách, khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình đã quan tâm dàn xếp nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn trầm trọng, chị H và anh M đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa, điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh M đã thực sự trầm trọng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, nhưng không thành; tại phiên tòa sơ thẩm, anh M vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị H vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H và anh M ly hôn. Xét thấy tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chị Lê Thị Thu H và anh Lê Đình M ly hôn.

[3]. Về con chung: Theo lời khai, tài liệu mà chị H cung cấp và ý kiến của anh M có đủ cơ sở để xác định cháu Lê Hoàng Đ, sinh ngày 21/12/2017 là con chung của chị H và anh M. Khi ly hôn, cả chị H và anh M đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị H, anh M là chính đáng, song việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét đến điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng của người nuôi và quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên. Xét điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con, thì cả chị H, anh M đều có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con, nhưng hiện nay cháu Lê Hoàng Đ đang dưới 36 tháng tuổi, và chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Đ, nên việc giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, bảo đảm được quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên và đúng quy định của pháp luật. Xét sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con thấy rằng, sự tự nguyện của chị H không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên có căn cứ chấp nhận. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, ngăn cấm. Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và các tài liệu chứng cứ chị H cung cấp, ngày 30/10/2018 Tòa án đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT giao cháu Lê Hoàng Đ cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; nay việc giao nuôi con đã

được xem xét quyết định trong bản án, nên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên hết hiệu lực.

[4]. Về tài sản: Chị H và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thu H và anh Lê Đình M ly hôn.

Về con chung: Giao chị Lê Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Hoàng Đ, sinh ngày 21/12/2017, chấp nhận sự tự nguyện của chị H, anh Lê Đình M không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị H. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc hết hiệu lực.

Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002208 ngày 17/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc. Chấp nhận chị H đã nộp đủ.

Chị Lê Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Lê Đình M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- UBND xã K;
- Chi cục THADS H. Ngọc Lặc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa